

Số: 98/2026/QĐST-HNGĐ

Hung Yên, ngày 21 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HUNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 138/2026/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Ngô Thị D, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên; Hiện trú tại: Phố Đ, phường S, tỉnh Hưng Yên.

Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1987; Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và lời khai của các đương sự trình bày: Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn Tiến H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 17/11/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị D và anh H tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trước khi kết hôn, hai bên đều đã từng đổ vỡ hôn nhân và đều có con riêng nên vợ chồng đều mong muốn trên cơ sở đồng cảm, cả hai sẽ thấu hiểu để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống và cách xây dựng gia đình. Cả hai đều chỉ tập trung lo cho con riêng nhưng lại thiếu sự quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng.

Trong sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên bất đồng, không thống nhất về việc làm ăn phát triển kinh tế. Chị D và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất làm đơn yêu cầu TAND khu vực 3 – Hưng Yên công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành vì cả hai đương sự giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Chị D và anh H đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Quốc B, sinh ngày 19/10/2020. Cháu B phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ và hiện đang sống cùng chị D. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi, chị D hiện không mang thai.

Chị D và anh H thỏa thuận và thống nhất: Giao cháu Nguyễn Tiến Quốc B, sinh ngày 19/10/2020 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Bảo thành N (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh H không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. **Về con riêng:** Chị D và anh H đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[4]. **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình** Chị D và anh H đã được thẩm phán giải thích quyền, nghĩa vụ của anh chị theo quy định của pháp luật nhưng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không có ruộng đất nông nghiệp liên quan, không xây dựng đóng góp được gì cho hai bên gia đình nên không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] **Về lệ phí:** Chị D tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí về việc giải quyết việc dân sự và được anh H nhất trí.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 10/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn Tiến H đều tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Tiến Quốc B, sinh ngày 19/10/2020 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Bảo thành N (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh H không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về con riêng:** Chị D và anh H đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị D tự nguyện nhận nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn và được anh H nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0001606 ngày 02/4/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thì chị D đã thi hành xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Triệu Việt Vương (STT 46 ngày 07/11/2019);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Thu Hương